

KẾT QUẢ LẤY Ý KIẾN NHÂN DÂN VỀ SẮP XẾP ĐVHC CẤP TỈNH
(Kèm theo Tờ trình số 69/TTr-UBND tỉnh ngày 22 tháng 4 năm 2025)

STT	ĐVHC cấp xã	Số lượng cử tri đại diện hộ gia đình			Kết quả lấy ý kiến cử tri đại diện hộ gia đình			
		Tổng số	Số tham gia lấy ý kiến	Tỷ lệ (%)	Số đồng ý	Tỷ lệ (%)	Số không đồng ý	Tỷ lệ (%)
A	B	I	2	3	4	5	6	7
	Bình Phước	273.683	263.171	96.16	257.640	97.90	5.531	2.10
I	Thị xã Chơn Thành	20.669	20.577	99.55	20.024	97.31	553	2.69
1	Phường Hưng Long	5.314	5.314	100.00	5.290	99.55	24	0.45
2	Phường Minh Hưng	4.667	4.666	99.98	4.654	99.74	12	0.26
3	Phường Minh Thành	1.587	1.587	100.00	1.561	98.36	26	1.64
4	Phường Thành Tâm	1.663	1.602	96.33	1.602	100.00	0	0.00
5	Phường Minh Long	1.798	1.798	100.00	1.739	96.72	59	3.28
6	Xã Minh Lập	2.147	2.117	98.60	1.953	92.25	164	7.75
7	Xã Minh Thắng	1.192	1.192	100.00	1.002	84.06	190	15.94
8	Xã Nha Bích	1.620	1.620	100.00	1.579	97.47	41	2.53
9	Xã Quang Minh	681	681	100.00	644	94.57	37	5.43
II	Huyện Hớn Quản	25.864	25.730	99.48	25.262	98.18	468	1.82
1	Xã Phước An	2.227	2.227	100.00	2.225	99.91	2	0.09
2	Xã Tân Lợi	2.244	2.244	100.00	2.211	98.53	33	1.47
3	Xã Tân Quan	1.295	1.295	100.00	1.292	99.77	3	0.23
4	Thị trấn Tân Khai	3.645	3.526	96.74	3.490	98.98	36	1.02
5	Xã An Phú	1.297	1.297	100.00	1.297	100.00	0	0.00
6	Xã Minh Tâm	1.283	1.283	100.00	1.283	100.00	0	0.00
7	Xã Minh Đức	1.307	1.307	100.00	1.279	97.86	28	2.14
8	Xã Thanh Bình	1.181	1.181	100.00	1.175	99.49	6	0.51
9	Xã Tân Hưng	2.959	2.959	100.00	2.940	99.36	19	0.64
10	Xã An Khương	1.771	1.771	100.00	1.656	93.51	115	6.49
11	Xã Thanh An	2.696	2.681	99.44	2.512	93.70	169	6.30
12	Xã Đồng Nơ	1.625	1.625	100.00	1.597	98.28	28	1.72



STT	ĐVHC cấp xã	Số lượng cử tri đại diện hộ gia đình			Kết quả lấy ý kiến cử tri đại diện hộ gia đình			
		Tổng số	Số tham gia lấy ý kiến	Tỷ lệ (%)	Số đồng ý	Tỷ lệ (%)	Số không đồng ý	Tỷ lệ (%)
A	B	1	2	3	4	5	6	7
13	Xã Tân Hiệp	2.334	2.334	100.00	2.305	98.76	29	1.24
III	Thị xã Bình Long	14.405	14.375	99.79	14.282	99.35	93	0.65
1	Phường An Lộc	3.063	3.063	100.00	3.058	99.84	5	0.16
2	Phường Hưng Chiến	2.840	2.840	100.00	2.837	99.89	3	0.11
3	Phường Phú Đức	1.034	1.015	98.16	1.007	99.21	8	0.79
4	Phường Phú Thịnh	1.530	1.530	100.00	1.516	99.08	14	0.92
5	Xã Thanh Lương	3.548	3.537	99.69	3.484	98.50	53	1.50
6	Xã Thanh Phú	2.390	2.390	100.00	2.380	99.58	10	0.42
IV	Huyện Lộc Ninh	28.704	27.898	97.19	27.444	98.37	454	1.63
1	Xã Lộc Thành	1.901	1.867	98.21	1.840	98.55	27	1.45
2	Xã Lộc Thịnh	1.146	1.136	99.13	1.113	97.98	23	2.02
3	Xã Lộc Hưng	2.229	2.015	90.40	1.989	98.71	26	1.29
4	Xã Lộc Khánh	1.719	1.693	98.49	1.589	93.86	104	6.14
5	Xã Lộc Điền	2.082	2.071	99.47	2.071	100.00	0	0.00
6	Xã Lộc Thái	1.914	1.914	100.00	1.910	99.79	4	0.21
7	Xã Lộc Thuận	2.204	2.156	97.82	2.143	99.40	13	0.60
8	Thị trấn Lộc Ninh	2.411	2.285	94.77	2.276	99.61	9	0.39
9	Xã Lộc Quang	2.015	2.015	100.00	1.938	96.18	77	3.82
10	Xã Lộc Phú	1.727	1.718	99.48	1.711	99.59	7	0.41
11	Xã Lộc Hiệp	2.092	2.092	100.00	2.090	99.90	2	0.10
12	Xã Lộc Tấn	2.834	2.834	100.00	2.763	97.49	71	2.51
13	Xã Lộc Thiện	2.186	1.858	85.00	1.813	97.58	45	2.42
14	Xã Lộc Hòa	1.434	1.434	100.00	1.397	97.42	37	2.58
15	Xã Lộc Thạnh	810	810	100.00	801	98.89	9	1.11
V	Huyện Bù Đốp	19.094	18.830	98.62	18.272	97.04	558	2.96
1	Thị trấn Thanh Bình	2.552	2.383	93.38	2.358	98.95	25	1.05
2	Xã Thiện Hưng	3.688	3.688	100.00	3.686	99.95	2	0.05
3	Xã Thanh Hòa	2.999	2.972	99.10	2.954	99.39	18	0.61
4	Xã Tân Tiến	2.550	2.550	100.00	2.528	99.14	22	0.86
5	Xã Tân Thành	3.040	2.994	98.49	2.983	99.63	11	0.37
6	Xã Lộc An	1.693	1.671	98.70	1.250	74.81	421	25.19



STT	ĐVHC cấp xã	Số lượng cử tri đại diện hộ gia đình			Kết quả lấy ý kiến cử tri đại diện hộ gia đình			
		Tổng số	Số tham gia lấy ý kiến	Tỷ lệ (%)	Số đồng ý	Tỷ lệ (%)	Số không đồng ý	Tỷ lệ (%)
A	B	1	2	3	4	5	6	7
7	Xã Hưng Phước	1.522	1.522	100.00	1.479	97.17	43	2.83
8	Xã Phước Thiện	1.050	1.050	100.00	1.034	98.48	16	1.52
VI	Huyện Bù Gia Mập	20.646	19.226	755.526	18.651	780.138	575	19.86192
1	Xã Bù Gia Mập	1.712	1.712	100.00	1.662	97.08	50	2.92
2	Xã Đăk Ô	3.889	3.740	96.17	3.426	91.60	314	8.40
3	Xã Phú Nghĩa	3.792	3.019	79.61	2.896	95.93	123	4.07
4	Xã Phú Văn	2.476	2.476	100.00	2.476	100.00	0	0.00
5	Xã Đức Hạnh	1.444	1.444	100.00	1.426	98.75	18	1.25
6	Xã Phước Minh	2.217	2.052	92.56	2.049	99.85	3	0.15
7	Xã Đa Kia	2.845	2.637	92.69	2.632	99.81	5	0.19
8	Xã Bình Thắng	2.271	2.146	94.50	2.084	97.11	62	2.89
VII	Thị xã Phước Long	14.435	14.318	692	14.270	697	48	3
1	Phường Long Thủy	2.016	2.016	100.00	2.007	99.55	9	0.45
2	Phường Thác Mơ	1.782	1.782	100.00	1.776	99.66	6	0.34
3	Phường Sơn Giang	1.320	1.302	98.64	1.299	99.77	3	0.23
4	Xã Phước Tín	1.893	1.813	95.77	1.805	99.56	8	0.44
5	Xã Long Giang	935	916	97.97	907	99.02	9	0.98
6	Phường Long Phước	4.403	4.403	100.00	4.403	100.00	0	0.00
7	Phường Phước Bình	2.086	2.086	100.00	2.073	99.38	13	0.62
VIII	Huyện Phú Riềng	23.972	22.797	95.10	22.433	98.40	364	1.60
1	Xã Phú Riềng	4.117	3.762	91.38	3.740	99.42	22	0.58
2	Xã Phú Trung	1.197	1.197	100.00	1.189	99.33	8	0.67
3	Xã Long Tân	2.428	1.844	75.95	1.663	90.18	181	9.82
4	Xã Bù Nho	3.031	3.017	99.54	2.984	98.91	33	1.09
5	Xã Long Hà	3.818	3.818	100.00	3.813	99.87	5	0.13
6	Xã Long Bình	2.102	2.083	99.10	2.074	99.57	9	0.43
7	Xã Long Hưng	2.180	2.105	96.56	2.102	99.86	3	0.14
8	Xã Bình Tân	1.979	1.979	100	1.884	95.20	95	4.80
9	Xã Bình Sơn	1.072	982	91.60	974	99.19	8	0.81
10	Xã Phước Tân	2.048	2.010	98.14	2.010	100.00	0	0.00
IX	Thành phố Đồng Xoài	45.874	40.953	89.27	40.424	98.71	529	1.29

STT	ĐVHC cấp xã	Số lượng cử tri đại diện hộ gia đình			Kết quả lấy ý kiến cử tri đại diện hộ gia đình			
		Tổng số	Số tham gia lấy ý kiến	Tỷ lệ (%)	Số đồng ý	Tỷ lệ (%)	Số không đồng ý	Tỷ lệ (%)
A	B	1	2	3	4	5	6	7
1	Phường Tiến Thành	7.572	7.306	96.49	7.249	99.22	57	0.78
2	Xã Tân Thành	3.917	3.849	98.26	3.804	98.83	45	1.17
3	Phường Tân Phú	8.337	7.694	92.29	7.581	98.53	113	1.47
4	Phường Tân Đồng	3.426	3.316	96.79	3.250	98.01	66	1.99
5	Phường Tân Thiện	3.333	2.371	71.14	2.331	98.31	40	1.69
6	Phường Tân Bình	4.685	4.465	95.30	4.339	97.18	126	2.82
7	Phường Tân Xuân	6.185	5.481	88.62	5.435	99.16	46	0.84
8	Xã Tiến Hưng	8.419	6.471	76.86	6.435	99.44	36	0.56
X	Huyện Đồng Phú	23.892	23.387	97.89	22.843	97.67	544	2.33
1	Thị trấn Tân Phú	3.403	3.363	98.82	3.363	100.00	0	0.00
2	Xã Tân Lập	2.728	2.623	96.15	2.499	95.27	124	4.73
3	Xã Tân Tiến	2.314	2.314	100	2.306	99.65	8	0.35
4	Xã Đồng Tâm	2.026	1.876	92.60	1.867	99.52	9	0.48
5	Xã Đồng Tiến	3.316	3.300	99.52	3.282	99.45	18	0.55
6	Xã Tân Phước	2.193	2.123	96.81	2.038	96.00	85	4.00
7	Xã Thuận Phú	2.414	2.414	100.00	2.396	99.25	18	0.75
8	Xã Thuận Lợi	2.573	2.512	97.63	2.284	90.92	228	9.08
9	Xã Tân Hưng	1.110	1.110	100	1.089	98.11	21	1.89
10	Xã Tân Hòa	788	788	100	778	98.73	10	1.27
11	Xã Tân Lợi	1.027	964	93.87	941	97.61	23	2.39
XI	Huyện Bù Đăng	36.128	35.080	97.10	33.735	96.17	1.345	3.83
1	Xã Đăng Hà	1.355	1.355	100.00	1.330	98.15	25	1.85
2	Xã Thống Nhất	3.998	3.704	92.65	3.648	98.49	56	1.51
3	Xã Phước Sơn	1.402	1.390	99.14	1.336	96.12	54	3.88
4	Xã Đức Liễu	3.621	3.476	96.00	3.445	99.11	31	0.89
5	Xã Nghĩa Bình	1.416	1.409	99.51	1.365	96.88	44	3.12
6	Xã Nghĩa Trung	2.053	2.053	100	1.954	95.18	99	4.82
7	Thị trấn Đức Phong	2.476	2.476	100	2.399	96.89	77	3.11
8	Xã Đoàn Kết	1.517	1.517	100	1.503	99.08	14	0.92
9	Xã Minh Hưng	2.541	2.541	100	2.476	97.44	65	2.56
10	Xã Đồng Nai	1.315	1.281	97.41	1.221	95.32	60	4.68

STT	ĐVHC cấp xã	Số lượng cử tri đại diện hộ gia đình			Kết quả lấy ý kiến cử tri đại diện hộ gia đình			
		Tổng số	Số tham gia lấy ý kiến	Tỷ lệ (%)	Số đồng ý	Tỷ lệ (%)	Số không đồng ý	Tỷ lệ (%)
A	B	I	2	3	4	5	6	7
11	Xã Phú Sơn	1.461	1.333	91.24	1.325	99.40	8	0.60
12	Xã Thọ Sơn	1.728	1.728	100	1.645	95.20	83	4.80
13	Xã Đường 10	2.010	2.010	100	1.930	96.02	80	3.98
14	Xã Đak Nhau	3.356	3.185	94.90	3.184	99.97	1	0.03
15	Xã Bom Bo	3.247	2.990	92.09	2.816	94.18	174	5.82
16	Xã Bình Minh	2.632	2.632	100	2.158	81.99	474	18.01

KẾT QUẢ LẤY Ý KIẾN NHÂN DÂN VỀ SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

(Kèm theo Tờ trình số 69/TTr-UBND tỉnh ngày 22 tháng 4 năm 2025 của UBND tỉnh)

STT	ĐVHC cấp xã	Số lượng cử tri đại diện hộ gia đình			Kết quả lấy ý kiến cử tri đại diện hộ gia đình			
		Tổng số	Số tham gia lấy ý kiến	Tỷ lệ (%)	Số đồng ý	Tỷ lệ (%)	Số không đồng ý	Tỷ lệ (%)
A	B	I	2	3	4	5	6	7
	Bình Phước	273.690	263.201	96.17	254.955	96.87	8.249	3.13
1	Thành lập phường Minh Hưng trên cơ sở nhập 02 ĐVHC cấp xã gồm phường Minh Long, phường Minh Hưng thuộc thị xã Chơn Thành. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: phường Minh Hưng.							
	Phường Minh Hưng	4.667	4.666	99.98	4.666	100.00	0	0.00
	Phường Minh Long	1.798	1.798	100.00	1.742	96.89	56	3.11
	TỔNG	6.465	6.464	99.98	6.408	99.13	56	0.87
2	Thành lập phường Chơn Thành trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm phường Hưng Long, phường Thành Tâm và phường Minh Thành thuộc thị xã Chơn Thành. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trung tâm hành chính thị xã Chơn Thành.							
	Phường Hưng Long	5.314	5.314	100.00	5.290	99.55	24	0.45
	Phường Thành Tâm	1.663	1.602	96.33	1.602	100.00	0	0.00
	Phường Minh Thành	1.587	1.587	100.00	1.579	99.50	8	0.50
	TỔNG	8.564	8.503	99.29	8.471	99.62	32	0.38
3	Thành lập xã Nha Bích trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm xã Nha Bích, xã Minh Thắng và xã Minh Lập thuộc thị xã Chơn Thành. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Minh Thắng.							
	Xã Nha Bích	1.620	1.620	100.00	1.593	98.33	27	1.67
	Xã Minh Lập	2.147	2.117	98.60	1.982	93.62	135	6.38
	Xã Minh Thắng	1.192	1.192	100.00	1.188	99.66	4	0.34
	TỔNG	4.959	4.929	99.40	4.763	96.63	166	3.37
4	Thành lập xã Tân Quan trên cơ sở nhập 04 ĐVHC cấp xã gồm xã Quang Minh thuộc thị xã Chơn Thành và xã Tân Quan, xã Phước An, Tân Lợi thuộc huyện Hớn Quản. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Phước An.							
	Xã Tân Quan	1.295	1.295	100.00	1.286	99.31	9	0.69
	Xã Phước An	2.227	2.227	100.00	2.227	100.00	0	0.00
	Xã Tân Lợi	2.244	2.244	100.00	2.208	98.40	36	1.60
	Xã Quang Minh	681	681	100.00	355	52.13	326	47.87
	TỔNG	6.447	6.447	100.00	6.076	94.25	371	5.75
5	Thành lập xã Tân Hưng trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm xã Tân Hưng, xã An Khương và xã Thanh An thuộc huyện Hớn Quản. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Tân Hưng							
	Xã Tân Hưng	2.959	2.959	100.00	2.938	99.29	21	0.71
	Xã An Khương	1.771	1.771	100.00	1.655	93.45	116	6.55
	Xã Thanh An	2.696	2.681	99.44	2.275	84.86	406	15.14



STT	ĐVHC cấp xã	Số lượng cử tri đại diện hộ gia đình			Kết quả lấy ý kiến cử tri đại diện hộ gia đình			
		Tổng số	Số tham gia lấy ý kiến	Tỷ lệ (%)	Số đồng ý	Tỷ lệ (%)	Số không đồng ý	Tỷ lệ (%)
A	B	1	2	3	4	5	6	7
	TỔNG	7.426	7.411	99.80	6.868	92.67	543	7.33
Thành lập xã Tân Khai trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm thị trấn Tân Khai, xã Đồng Nơ và xã Tân Hiệp thuộc huyện Hớn Quản. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trung tâm hành chính huyện Hớn Quản								
6	Thị trấn Tân Khai	3.645	3.526	96.74	3.526	100.00	0	0.00
	Xã Đồng Nơ	1.625	1.625	100.00	1.621	99.75	4	0.25
	Xã Tân Hiệp	2.334	2.334	100.00	2.305	98.76	29	1.24
	TỔNG	7.604	7.485	98.44	7.452	99.56	33	0.44
Thành lập xã Minh Đức trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm xã An Phú, xã Minh Tâm và xã Minh Đức thuộc huyện Hớn Quản. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Minh Tâm								
7	Xã An Phú	1.297	1.297	100.00	1.297	100.00	0	0.00
	Xã Minh Tâm	1.283	1.283	100.00	1.283	100.00	0	0.00
	Xã Minh Đức	1.307	1.307	100.00	1.277	97.70	30	2.30
	TỔNG	3.887	3.887	100.00	3.857	99.23	30	0.77
Thành lập phường Bình Long trên cơ sở nhập 04 ĐVHC cấp xã gồm phường An Lộc, phường Hưng Chiến, phường Phú Đức thuộc thị xã Bình Long và xã Thanh Bình thuộc huyện Hớn Quản. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trung tâm hành chính thị xã Bình Long.								
8	Phường An Lộc	3.063	3.063	100.00	3.059	99.87	4	0.13
	Phường Hưng Chiến	2.840	2.840	100.00	2.837	99.89	3	0.11
	Phường Phú Đức	1.034	1.015	98.16	1.007	99.21	8	0.79
	Xã Thanh Bình	1.181	1.181	100.00	1.177	99.66	4	0.34
	TỔNG	8.118	8.099	99.77	8.080	99.77	19	0.23
Thành lập phường An Lộc trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm phường Phú Thịnh, xã Thanh Phú và xã Thanh Lương thuộc thị xã Bình Long. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Thanh Phú.								
9	Phường Phú Thịnh	1.530	1.530	100.00	1.525	99.67	5	0.33
	Xã Thanh Phú	2.390	2.390	100.00	2.387	99.87	3	0.13
	Xã Thanh Lương	3.548	3.537	99.69	3.484	98.50	53	1.50
	TỔNG	7.468	7.457	99.85	7.396	99.18	61	0.82
Thành lập xã Lộc Thành trên cơ sở sáp nhập xã Lộc Thành, xã Lộc Thịnh. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Lộc Thành								
10	Xã Lộc Thành	1.901	1.867	98.21	1.853	99.25	14	0.75
	Xã Lộc Thịnh	1.146	1.136	99.13	1.028	90.49	108	9.51
	TỔNG	3.047	3.003	98.56	2.881	95.94	122	4.06
Thành lập xã Lộc Ninh trên cơ sở sáp nhập xã Lộc Thái, xã Lộc Thuận, thị trấn Lộc Ninh. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trung tâm hành chính huyện Lộc Ninh								
11	Xã Lộc Thái	1.914	1.914	100.00	1.910	99.79	4	0.21
	Xã Lộc Thuận	2.204	2.151	97.60	2.138	99.40	13	0.60
	Thị trấn Lộc Ninh	2.411	2.285	94.77	2.284	99.96	1	0.04

STT	ĐVHC cấp xã	Số lượng cử tri đại diện hộ gia đình			Kết quả lấy ý kiến cử tri đại diện hộ gia đình			
		Tổng số	Số tham gia lấy ý kiến	Tỷ lệ (%)	Số đồng ý	Tỷ lệ (%)	Số không đồng ý	Tỷ lệ (%)
A	B	1	2	3	4	5	6	7
	TỔNG	6.529	6.350	97.26	6.332	99.72	18	0.28
12	Thành lập xã Lộc Hưng trên cơ sở sáp nhập xã Lộc Hưng, xã Lộc Khánh, xã Lộc Điền. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Lộc Hưng							
	Xã Lộc Hưng	2.229	2.015	90.40	1.988	98.66	27	1.34
	Xã Lộc Khánh	1.719	1.693	98.49	1.184	69.94	509	30.06
	Xã Lộc Điền	2.082	2.071	99.47	2.071	100.00	0	0.00
	TỔNG	6.030	5.779	95.84	5.243	90.73	536	9.27
13	Thành lập xã Lộc Tấn trên cơ sở sáp nhập xã Lộc Tấn, xã Lộc Thiện Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: tại xã Lộc Tấn							
	Xã Lộc Tấn	2.834	2.834	100.00	2.809	99.12	25	0.88
	Xã Lộc Thiện	2.186	1.858	85.00	1.735	93.38	123	6.62
	TỔNG	5.020	4.692	93.47	4.544	96.85	148	3.15
14	Thành lập xã Lộc Thạnh trên cơ sở sáp nhập xã Lộc Hòa, xã Lộc Thạnh Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Lộc Thạnh							
	Xã Lộc Hòa	1.434	1.434	100.00	1.339	93.38	95	6.62
	Xã Lộc Thạnh	810	810	100.00	810	100.00	0	0.00
	TỔNG	2.244	2.244	100.00	2.149	95.77	95	4.23
15	Thành lập xã Lộc Quang trên cơ sở sáp nhập xã Lộc Quang, xã Lộc Phú, xã Lộc Hiệp. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Lộc Phú							
	Xã Lộc Quang	2.015	2.015	100.00	1.290	64.02	725	35.98
	Xã Lộc Phú	1.727	1.718	99.48	1.718	100.00	0	0.00
	Xã Lộc Hiệp	2.092	2.092	100.00	2.090	99.90	2	0.10
	TỔNG	5.834	5.825	99.85	5.101	87.57	727	12.48
16	Thành lập xã Tân Tiến trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm xã Lộc An thuộc huyện Lộc Ninh và xã Tân Tiến, xã Tân Thành thuộc huyện Bù Đốp. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Tân Thành.							
	Xã Tân Tiến	2.550	2.550	100.00	2.528	99.14	22	0.86
	Xã Tân Thành	3.040	2.994	98.49	2.987	99.77	7	0.23
	Xã Lộc An	1.693	1.671	98.70	607	36.33	1.064	63.67
	TỔNG	7.283	7.215	99.07	6.122	84.85	1.093	15.15
17	Thành lập xã Thiện Hưng trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm xã Thanh Hòa, thị trấn Thanh Bình và xã Thiện Hưng thuộc huyện Bù Đốp. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trung tâm hành chính huyện Bù Đốp.							
	Thị trấn Thanh Bình	2.552	2.383	93.38	2.358	98.95	25	1.05
	Xã Thiện Hưng	3.688	3.688	100.00	3.687	99.97	1	0.03
	Xã Thanh Hòa	2.999	2.972	99.10	2.954	99.39	18	0.61
	TỔNG	9.239	9.043	97.88	8.999	99.51	44	0.49
18	Thành lập xã Hưng Phước trên cơ sở nhập 02 ĐVHC cấp xã gồm xã Hưng Phước và xã Phước Thiện thuộc huyện Bù Đốp. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Hưng Phước.							
	Xã Hưng Phước	1.522	1.522	100.00	1.517	99.67	5	0.33
	Xã Phước Thiện	1.050	1.050	100.00	920	87.62	130	12.38

STT	ĐVHC cấp xã	Số lượng cử tri đại diện hộ gia đình			Kết quả lấy ý kiến cử tri đại diện hộ gia đình			
		Tổng số	Số tham gia lấy ý kiến	Tỷ lệ (%)	Số đồng ý	Tỷ lệ (%)	Số không đồng ý	Tỷ lệ (%)
A	B	1	2	3	4	5	6	7
	TỔNG	2.572	2.572	100.00	2.437	94.75	135	5.25
19	Thành lập xã Bù Gia Mập trên cơ sở nguyên trạng xã Bù Gia Mập thuộc huyện Bù Gia Mập và trụ sở đặt tại xã Bù Gia Mập.							
	Xã Bù Gia Mập	1.712	1.712	100.00	1.712	100.00	0	0.00
	TỔNG	1.712	1.712	100.00	1.712	100.00	0	0.00
20	Thành lập xã Đăk Ô trên cơ sở nguyên trạng xã Đăk Ô thuộc huyện Bù Gia Mập và trụ sở đặt tại xã Đăk Ô.							
	Xã Đăk Ô	3.889	3.740	96.17	3.718	99.41	22	0.59
	TỔNG	3.889	3.742	96.22	3.718	99.36	24	0.64
21	Thành lập xã Phú Nghĩa trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm xã Phú Văn, xã Đức Hạnh và xã Phú Nghĩa thuộc huyện Bù Gia Mập. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trung tâm hành chính huyện Bù Gia Mập							
	Xã Đức Hạnh	1.444	1.444	100.00	1.423	98.55	21	1.45
	Xã Phú Văn	2.476	2.476	100.00	2.476	100.00	0	0.00
	Xã Phú Nghĩa	3.792	3.019	79.61	2.908	96.32	111	3.68
	TỔNG	7.712	6.939	89.98	6.807	98.10	132	1.90
22	Thành lập xã Đa Kì trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm xã Phước Minh, xã Đa Kì và xã Bình Thắng thuộc huyện Bù Gia Mập. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Đa Kì							
	Xã Phước Minh	2.217	2.052	92.56	2.049	99.85	3	0.15
	Xã Đa Kì	2.845	2.637	92.69	2.637	100.00	0	0.00
	Xã Bình Thắng	2.271	2.146	94.50	2.131	99.30	15	0.70
	TỔNG	7.333	6.835	93.21	6.817	99.74	18	0.26
23	Thành lập phường Phước Bình trên cơ sở nhập 04 ĐVHC cấp xã gồm xã Bình Sơn thuộc huyện Phú Riềng và xã Long Giang, phường Long Phước, phường Phước Bình thuộc thị xã Phước Long. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trung tâm hành chính thị xã Phước Long							
	Xã Bình Sơn	1.072	982	91.60	982	100.00	0	0.00
	Xã Long Giang	935	916	97.97	912	99.56	4	0.44
	Phường Long Phước	4.403	4.403	100.00	4.391	99.73	12	0.27
	Phường Phước Bình	2.086	2.086	100.00	2.082	99.81	4	0.19
	TỔNG	8.496	8.387	98.72	8.367	99.76	20	0.24
24	Thành lập phường Phước Long trên cơ sở sáp nhập 04 ĐVHC cấp xã gồm phường Long Thủy, phường Thác Mơ, phường Sơn Giang và xã Phước Tín thuộc thị xã Phước Long. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: phường Long Thủy							
	Phường Long Thủy	2.016	2.016	100.00	2.015	99.95	1	0.05
	Phường Thác Mơ	1.782	1.782	100.00	1.773	99.49	9	0.51
	Phường Sơn Giang	1.320	1.302	98.64	1.293	99.31	9	0.69
	Xã Phước Tín	1.893	1.815	95.88	1.805	99.45	10	0.55
	TỔNG	7.011	6.915	98.63	6.886	99.58	29	0.42



STT	ĐVHC cấp xã	Số lượng cử tri đại diện hộ gia đình			Kết quả lấy ý kiến cử tri đại diện hộ gia đình			
		Tổng số	Số tham gia lấy ý kiến	Tỷ lệ (%)	Số đồng ý	Tỷ lệ (%)	Số không đồng ý	Tỷ lệ (%)
A	B	1	2	3	4	5	6	7
25	Thành lập xã Long Hưng trên cơ sở nhập 03 đơn vị hành chính cấp xã gồm xã Long Bình, xã Long Hưng và xã Bình Tân thuộc huyện Phú Riềng. Nơi đặt trụ sở làm việc của đơn vị hành chính: xã Long Hưng							
	Xã Long Hưng	2.102	2.105	100.14	2.102	99.86	3	0.14
	Xã Bình Tân	2.102	1.979	94.15	1.842	93.08	137	6.92
	Xã Long Bình	2.102	2.083	99.10	2.074	99.57	9	0.43
	TỔNG	6.306	6.167	97.80	6.018	97.58	149	2.42
26	Thành lập xã Long Hà trên cơ sở nhập 02 đơn vị hành chính cấp xã gồm xã Long Hà và xã Long Tân thuộc huyện Phú Riềng. Nơi đặt trụ sở làm việc của đơn vị hành chính: xã Long Hà.							
	Xã Long Hà	3.818	3.818	100.00	3.804	99.63	14	0.37
	Xã Long Tân	2.428	1.862	76.69	1.295	69.55	567	30.45
	TỔNG	6.246	5.680	90.94	5.099	89.77	581	10.23
27	Thành lập xã Phú Riềng trên cơ sở nhập 02 đơn vị hành chính cấp xã gồm xã Bù Nho và xã Phú Riềng thuộc huyện Phú Riềng. Nơi đặt trụ sở làm việc của đơn vị hành chính: Trung tâm hành chính huyện Phú Riềng thuộc xã Bù Nho							
	Xã Phú Riềng	4.117	3.762	91.38	3.749	99.65	13	0.35
	Xã Bù Nho	3.031	3.017	99.54	2.989	99.07	28	0.93
	TỔNG	7.148	6.779	94.84	6.738	99.40	41	0.60
28	Thành lập xã Phú Trung trên cơ sở nhập 02 đơn vị hành chính cấp xã gồm xã Phước Tân và xã Phú Trung thuộc huyện Phú Riềng. Nơi đặt trụ sở làm việc của đơn vị hành chính: xã Phú Trung							
	Xã Phú Trung	1.197	1.197	100.00	1.197	100.00	0	0.00
	Xã Phước Tân	2.048	2.010	98.14	1.986	98.81	24	1.19
	TỔNG	3.245	3.207	98.83	3.183	99.25	24	0.75
29	Thành lập phường Đồng Xoài trên cơ sở nhập 02 ĐVHC cấp xã, gồm xã Tân Thành và phường Tiến Thành. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: phường Tiến Thành							
	Phường Tiến Thành	7.572	7.306	96.49	7.289	99.77	17	0.23
	Xã Tân Thành	3.917	3.849	98.26	3.826	99.40	23	0.60
	TỔNG	11.489	11.155	97.09	11.115	99.64	40	0.36
30	Thành lập phường Bình Phước trên cơ sở nhập 06 ĐVHC cấp xã, gồm phường Tân Phú, phường Tân Đồng, phường Tân Thiện, phường Tân Bình, phường Tân Xuân và xã Tiến Hưng. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trung tâm hành chính thành phố Đồng Xoài.							
	Phường Tân Phú	8.337	7.694	92.29	7.592	98.67	102	1.33
	Phường Tân Đồng	3.426	3.315	96.76	3.273	98.73	42	1.27
	Phường Tân Thiện	3.333	2.371	71.14	2.359	99.49	12	0.51
	Phường Tân Bình	4.685	4.465	95.30	4.383	98.16	82	1.84
	Phường Tân Xuân	6.185	5.481	88.62	5.450	99.43	31	0.57
	Xã Tiến Hưng	8.419	6.471	76.86	6.426	99.30	45	0.70



STT	ĐVHC cấp xã	Số lượng cử tri đại diện hộ gia đình			Kết quả lấy ý kiến cử tri đại diện hộ gia đình			
		Tổng số	Số tham gia lấy ý kiến	Tỷ lệ (%)	Số đồng ý	Tỷ lệ (%)	Số không đồng ý	Tỷ lệ (%)
A	B	1	2	3	4	5	6	7
	TỔNG	34.385	29.797	86.66	29.483	98.95	314	1.05
31	Thành lập xã Thuận Lợi trên cơ sở sáp nhập 02 ĐVHC cấp xã, gồm xã Thuận Lợi và xã Thuận Phú Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Thuận Phú							
	Xã Thuận Lợi	2.573	2.512	97.63	2.266	90.21	246	9.79
	Xã Thuận Phú	2.411	2.411	100.00	2.407	99.83	4	0.17
	TỔNG	4.984	4.923	98.78	4.673	94.92	250	5.08
32	Thành lập xã Đồng Tâm trên cơ sở sáp nhập 03 ĐVHC cấp xã, gồm xã Đồng Tâm, xã Đồng Tiến, xã Tân Phước. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Đồng Tiến							
	Xã Đồng Tâm	2.026	1.883	92.94	1.863	98.94	20	1.06
	Xã Đồng Tiến	3.316	3.316	100.00	3.310	99.82	6	0.18
	Xã Tân Phước	2.193	2.136	97.40	1.962	91.85	174	8.15
	TỔNG	7.535	7.335	97.35	7.135	97.27	200	2.73
33	Thành lập xã Tân Lợi trên cơ sở sáp nhập 03 ĐVHC cấp xã, gồm xã Tân Hòa, xã Tân Lợi, xã Tân Hưng. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Tân Lợi							
	Xã Tân Hòa	788	788	100.00	778	98.73	10	1.27
	Xã Tân Lợi	1.027	980	95.42	980	100.00	0	0.00
	Xã Tân Hưng	1.075	1.075	100.00	688	64.00	387	36.00
	TỔNG	2.890	2.843	98.37	2.446	86.04	397	13.96
34	Thành lập xã Đồng Phú trên cơ sở sáp nhập 03 ĐVHC cấp xã, gồm xã Tân Lập, xã Tân Tiến, thị trấn Tân Phú. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trung tâm hành chính huyện Đồng Phú							
	Xã Tân Lập	2.728	2.623	96.15	2.607	99.39	16	0.61
	Xã Tân Tiến	2.314	2.314	100.00	2.306	99.65	8	0.35
	Thị trấn Tân Phú	3.403	3.363	98.82	3.323	98.81	40	1.19
	TỔNG	8.445	8.300	98.28	8.236	99.23	64	0.77
35	Thành lập xã Phước Sơn trên cơ sở sáp nhập 03 ĐVHC cấp xã, gồm xã Đăng Hà, xã Thống Nhất, xã Phước Sơn. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Thống Nhất							
	Xã Đăng Hà	1.355	1.355	100.00	1.026	75.72	329	24.28
	Xã Thống Nhất	3.998	3.704	92.65	3.580	96.65	124	3.35
	Xã Phước Sơn	1.402	1.390	99.14	1.386	99.71	4	0.29
	TỔNG	6.755	6.449	95.47	5.992	92.91	457	7.09
36	Thành lập xã Nghĩa Trung trên cơ sở sáp nhập 03 ĐVHC cấp xã, gồm xã Đức Liễu, xã Nghĩa Bình, xã Nghĩa Trung. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Đức Liễu							
	Xã Đức Liễu	3.621	3.476	96.00	3.423	98.48	53	1.52
	Xã Nghĩa Bình	1.416	1.409	99.51	1.365	96.88	44	3.12
	Xã Nghĩa Trung	2.053	2.053	100.00	1.955	95.23	98	4.77
	TỔNG	7.090	6.938	97.86	6.743	97.19	195	2.81



STT	ĐVHC cấp xã	Số lượng cử tri đại diện hộ gia đình			Kết quả lấy ý kiến cử tri đại diện hộ gia đình			
		Tổng số	Số tham gia lấy ý kiến	Tỷ lệ (%)	Số đồng ý	Tỷ lệ (%)	Số không đồng ý	Tỷ lệ (%)
A	B	1	2	3	4	5	6	7
37	Thành lập xã Bù Đăng trên cơ sở sáp nhập 03 ĐVHC cấp xã, gồm thị trấn Đức Phong, Đoàn Kết, Minh Hưng. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trung tâm hành chính huyện Bù Đăng							
	Thị trấn Đức Phong	2.476	2.476	100.00	2.476	100.00	0	0.00
	Xã Đoàn Kết	1.517	1.517	100.00	1.503	99.08	14	0.92
	Xã Minh Hưng	2.541	2.541	100.00	2.486	97.84	55	2.16
	TỔNG	6.534	6.534	100.00	6.465	98.94	69	1.06
38	Thành lập xã Thọ Sơn trên cơ sở sáp nhập 03 ĐVHC cấp xã, gồm xã Đồng Nai, xã Phú Sơn, xã Thọ Sơn. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Thọ Sơn							
	Xã Đồng Nai	1.315	1.281	97.41	1.169	91.26	112	8.74
	Xã Phú Sơn	1.461	1.333	91.24	1.303	97.75	30	2.25
	Xã Thọ Sơn	1.728	1.728	100.00	1.722	99.65	6	0.35
	TỔNG	4.504	4.342	96.40	4.194	96.59	148	3.41
39	Thành lập xã Đak Nhau trên cơ sở sáp nhập 02 ĐVHC cấp xã, gồm xã Đường 10, Đak Nhau. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Đak Nhau							
	Xã Đường 10	2.010	2.010	100.00	1.861	92.59	149	7.41
	Xã Đak Nhau	3.356	3.185	94.90	3.176	99.72	9	0.28
	TỔNG	5.366	5.195	96.81	5.037	96.96	158	3.04
40	Thành lập xã Bom Bo trên cơ sở sáp nhập 02 ĐVHC cấp xã, gồm xã Bom Bo, xã Bình Minh. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Bom Bo							
	Xã Bom Bo	3.247	2.990	92.09	2.860	95.65	130	4.35
	Xã Bình Minh	2.632	2.632	100.00	2.052	77.96	580	22.04
	TỔNG	5.879	5.622	95.63	4.912	87.37	710	12.63

